

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND, ngày 22 tháng 09 năm 2025 của UBND xã Ba Vì)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL** thời điểm 31/7/2025										Số công chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL										Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thời điểm 01/9/2025								HDLD hỗ trợ, phục vụ	
			Tổng số	Chia ra								Tổng số	Chia ra								Số được chấp thuận chủ trương				Số có mặt thực tế							
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ					
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
	TỔNG SỐ (I + II)																															
I	CẤP TỈNH																															
II	CẤP XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU																															
1	Xã Ba Vì	39	36	14	14	22	22	0	0	0	0	33	12	12	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
a	Lãnh đạo HĐND	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Lãnh đạo UBND	3	3	3	3	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
c	Lãnh đạo các Ban HĐND	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
d	Văn phòng HĐND và UBND	8	8	2	2	6	6	0	0	0	0	7	1	1	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
e	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	9	9	2	2	7	7	0	0	0	0	9	2	2	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
d	Phòng Văn hóa - Xã hội	7	7	2	2	5	5	0	0	0	0	6	1	1	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
g	Trung tâm phục vụ hành chính công	5	5	1	1	4	4	0	0	0	0	4	1	1	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
h	Ban Chỉ huy QS xã	4	1	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ba Vì, ngày 22 tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

không tính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VÌ

ĐỀ XUẤT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2031

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức giai đoạn 2026-2031									Lý do đề xuất (Bảo cáo các yếu tố đặc thù để đề xuất biên chế)
		Tổng số biên chế	Chia ra								
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ (I + II)										
I	CẤP TỈNH										
II	CẤP XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU										
1	Xã Ba Vì	42	14	14	28	28	0	0	3	3	
a	Lãnh đạo HĐND	1	1	1	0	0	0	0	0	0	
b	Lãnh đạo UBND	3	3	3	0	0	0	0	0	0	
c	Lãnh đạo các Ban HĐND	2	2	2	0	0	0	0	0	0	
d	Văn phòng HĐND và UBND	8	2	2	6	6	0	0	3	3	xã chưa có vị trí lái xe, phục vụ; dự kiến đề xuất 01 lái xe; 1 tập vụ, 1 bảo vệ.
d	Phòng Kinh tế	14	2	2	12	12	0	0	0	0	Số lượng công việc lớn, thiếu chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực đất đai,
e	Phòng Văn hóa - Xã hội	10	2	2	8	8	0	0	0	0	Số lượng công việc lớn, thiếu chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực Công nghệ - Thông tin, Giáo dục và Đào tạo
g	Trung tâm phục vụ hành chính công	2	1	1	1	1	0	0	0	0	
h	Ban Chỉ huy QS xã	2	1	1	1	1	0	0	0	0	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ba Vì, ngày tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VÌ

Phụ lục 3B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế viên chức được giao tương ứng với các VTVL thời điểm 31/7/2025										Số viên chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL										Về lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thời điểm 01/9/2025								HDLĐ hỗ trợ, phục vụ thời điểm 01/9/2025								
				Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Tổng số viên chức	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Số chỉ tiêu HDLD được cấp có thẩm quyền giao				Số lao động hợp đồng có mặt thời điểm báo cáo				Hưởng lương từ NTSN	Số được giao	Số có mặt thực tế						
					VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			Hưởng lương từ NSNN		Hưởng lương từ NSNN		Hưởng lương từ NSNN												
					Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36					
	TỔNG SỐ																																							
A	ĐVSNCLĐ DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THUỞNG XUYỀN																																							
I	CẤP TỈNH																																							
II	CẤP HUYỆN																																							
III	CẤP XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU	175		175	20	19	155	155						158	20	19	138	138																						
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	171		171	18	18	153	153						154	18	18	136	136																						
1.1	Trường THCS Ba Vì	26	0%	26	2	2	24	24	0	0	0	0		21	2	2	19	19			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
1.2	Trường TH&THCS Ba Tiêu	28	0%	28	3	3	25	25						25	3	3	22	22																						
1.3	Trường TH&THCS Ba Ngạc	37	0%	37	3	3	34	34						36	3	3	33	33																						
1.4	Trường Tiểu học Ba Vì	34	0%	34	3	3	31	31						28	3	3	25	25																						
1.5	Trường Mầm non Ba Vì	23	0%	23	3	3	20	20						21	3	3	18	18																						
1.6	Trường Mầm non Ba Tiêu	10	0%	10	2	2	8	8						10	2	2	8	8						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1				
1.7	Trường Mầm non Ba Ngạc	13	0%	13	2	2	11	11						13	2	2	11	11						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
2	Khác	4	0	4	2	1	2	2						4	2	1	2	2																						
2.1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	4		4	2	1	2	2						4	2	1	2	2																						

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ba Vì, ngày 22 tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VÌ

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2026-2031

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ												
A	ĐVSNC L DO NG ẮN S ẮCH NH Ắ N ẮC B ẮO Đ ẮM CHI TH ỜNG X ỜY ỜN												
I	C ẮP T ỈNH												
II	C ẮP X Ắ, PH Ờ ỜNG, Đ ẮC K ỜU		186	21	20	165	163						
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo		171	18	18	153	153						
1,1	Trường THCS Ba Vì		26	2	2	24	24						
1,2	Trường TH&THCS Ba Tiêu		28	3	3	25	25						
1,3	Trường TH&THCS Ba Ngạc		37	3	3	34	34						
1,4	Trường Tiểu học Ba Vì		34	3	3	31	31						
1,5	Trường Mầm non Ba Vì		23	3	3	20	20						
1,6	Trường Mầm non Ba Tiêu		10	2	2	8	8						
1,7	Trường Mầm non Ba Ngạc		13	2	2	11	11						
2	Khác		15	3	2	12	10						
2,1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công		15	3	2	12	10						

Ghi chú:
*: Ắp dụng đ ối v ớ đ ối t ượng là người đ ă đ ược t uyển v ắo biên chế tr ướ

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

B ắ V ớ, ngày 22 tháng 9 năm 2025
L ẮNH Đ ẠO C Ờ QUAN, T Ờ CH ỮC, Đ ỜN V ớ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VÌ

SỐ LIỆU VIÊN CHỨC, NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG THỜI ĐIỂM 01/9/2025 VÀ ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2026-2031

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế sự nghiệp được giao tương ứng với các VTVL							Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số viên chức, người làm việc có mặt tại VTVL công chức thời điểm 01/9/2025						Số người làm việc VTVL hỗ trợ, phục vụ có mặt	Đề xuất số người làm việc tại VTVL công chức chuyển thành công chức	
		Tổng số biên chế	Chia ra							Tổng số biên chế	Chia ra							
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lượng viên chức, người làm việc theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng viên chức, người làm việc theo VTVL	Số lượng VTVL			Tổng số lượng viên chức, người làm việc theo VTVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B	TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CẤP XÃ																	
I	Phòng và tương đương 1																	
II	Phòng và tương đương 2																	
III	...																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

, ngày19 tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỰ KHAI

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																					Văn bằng, chứng chỉ				
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp												Hiện giữ									Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch		
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên						Viên chức	Cấp xã				VTVL bố trí		Ngạch công chức tương ứng					Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp				
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương		Cán sự và tương đương	Nhân viên	Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương					CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30					31			
1	Thành Minh Thuận	27/10/1984			x		UVBTVH U, Phó Chủ tịch UBND huyện			x								Chuyên viên chính	Chuyên viên chính (01.002); Hệ số: 4,40	Văn phòng HĐND - UBND xã	PBT ĐU, CTUBND xã			x				KS	Kỹ sư xây dựng dân dụng và CN (Hệ chính quy)		
2	Trần Duy Diễn	13/9/1985		x						x					x		Chủ tịch UBND xã Ba Liên	Chuyên viên chính	Văn phòng HĐND - UBND xã (01.002); Hệ số: 4.2	UVBTVĐ U, PCT UBND xã			x				Cử nhân	ĐH Thủy sản			
3	Lê Văn Tháo	20/04/1991		x							x				x		Phó Chủ tịch UBND xã Ba Vì	Chuyên viên	Văn phòng HĐND - UBND xã (01.003); Hệ số: 3,00	UVBTV ĐU, PCT UBND xã				x			Cử nhân	Đại học hành chính (chính quy)		X	
4	Phạm Văn Hòa	3/10/1976			x		Trưởng ban Pháp chế HDND huyện				x							Chuyên viên	Văn phòng HĐND - UBND xã (01a.003); Hệ số:3,65	UVBTVĐ U, PCT HDND xã				x			Cử nhân	ĐH Luật (Tại chức)			
5	Phạm Văn Dư	16/10/1977			x							x			x		PCT UBND	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3.99	Văn phòng HĐND - UBND xã	ĐUV, Phó Trưởng Ban Pháp chế HDND xã				x			Cử nhân	Trung cấp Kế toán - ngân sách xã, hệ tại chức; Đại học Quản lý Nhà nước, hệ vừa học vừa làm		X
6	Phạm Thị Xây		1/11/1983		x						x				x		Phó Chủ tịch HDND	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,00	Văn phòng HDND - UBND xã	ĐUV, Phó Trưởng Ban KT-XH HDND xã				x			Cử nhân	Bằng Cử nhân Quản lý nhà nước (vừa học vừa làm)		X
7	Đặng Văn Tinh	10/10/1987		x			PCVP HDND&UBND huyện				x							Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	Văn phòng HDND - UBND xã	Phó Chánh VP HDND&UBND xã				x			Cử nhân	Đại học Xã hội học (Hệ chính quy)		X
8	Võ Quyền Anh	11/12/1982		x							x					x	Công chức VP-TK xã Ba Vì	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	Văn phòng HDND - UBND xã	Hành chính - Văn phòng				x			Cử nhân	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh tế - phát triển (vừa học vừa làm)	-	-
9	Phạm Văn Tỷ	09/06/1985			x							x				x	Công chứcVP-TK xã Ba Ngạc	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3.00	Văn phòng HDND - UBND xã	Hành chính - Văn phòng				x			Cử nhân	Trung cấp Hành chính; hệ tập trung; Đại học Quản lý Nhà nước, hệ vừa học		X
10	Phạm Thị Thu Hợi		18/12/1989		x							x				x	Bí thư Đoàn xã Ba Vì	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,34	Văn phòng HDND - UBND xã	Hành chính - Văn phòng				x			Cử nhân	ĐH Quản trị kinh doanh	X	
11	Phạm Văn E	20/11/1983			x							x				x	Phó Chủ tịch UBND xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số:3,33	Văn phòng HDND - UBND xã	Hành chính - Văn phòng				x			Cử nhân	ĐH Luật (hệ VHVL)		X
12	Phạm Văn Phú	17/10/1985			X							x				x	Công chức VP-TK xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số:3,33	Văn phòng HDND - UBND xã	Công chức VP HDND & UBND				x			Cử nhân	ĐH SP Hóa, CQ, cử tuyển		X

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																					Văn bằng, chứng chỉ				
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp										Hiện giữ											Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch		
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên						Viên chức	Cấp xã				VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng							Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương		Cán sự và tương đương	Nhân viên	Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương					Nhân viên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
13	Phạm Văn Ồi	20/01/1979			X							x			x		Phó Chủ tịch UBND xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số:3,33	Văn phòng UBND - UBND xã	Tư pháp				x			Cử nhân	DH Luật (hệ VHVL)		X
14	Mai Văn Hân	04/11/1985		x			Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Ba Tiêu					x						Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,99	Phòng Kinh tế	ĐUV, Trưởng phòng Kinh tế xã				x			Thạc sĩ	Đại học Lâm nghiệp (Hệ chính quy)		X
15	Nguyễn Thế Truyền	17/12/1980		x								x			x		Phó Chủ tịch UBND xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số:4,32	Phòng Kinh tế	Phó Trưởng phòng Kinh tế xã				x			Cử nhân	DH QLDD, (hệ VHVL)		X
16	Phạm Hồng Nam	6/11/1992			x		Công chức Phòng Kinh tế và Hạ tầng					x						Chuyên viên	1.003 Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Xây dựng - Môi trường				x			Cử nhân	DH chuyên ngành XDDD (hệ chính quy)	X	-
17	Phạm Văn Thái	28/03/1985			x							x				x	Công chức DC-NN- XD&MT xã Ba Vi	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,34	Phòng Kinh tế	Nông nghiệp- Môi trường				x			Cử nhân	Bảng ký sự ngành kinh tế xây dựng và Quản lý dự án (chính quy)	X	-
18	Phạm Hữu Tâm	11/10/1974		x								x				x	Công chức DC-NN- XD&MT xã Ba Vi	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,99	Phòng Kinh tế	Quản lý đất đai				x			Cử nhân	Đại học quản lý đất đai (vừa học vừa làm)		-
19	Huỳnh Thi Thor	18/11/1983			x							x					Công chức DC-NN- XD&MT xã Ba Ngạc	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3.66	Phòng Kinh tế	Nông nghiệp - Môi trường				x			Thạc sĩ	Đại học Quản lý Nhà nước, hệ chính quy; Đại học Quản lý Đất đai, hệ vừa làm vừa học; Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế		X
20	Phạm Lê Kiều Oanh		24/7/1987	x								x				x	Công chức TC-KT xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số:3,33	Phòng Kinh tế	Quản lý tài chính				x			Cử nhân	DH Kế toán (Hệ chính quy)		X
21	Nguyễn Thị Hồng Nghi		6/8/1989	x								x					Công chức TC-KT xã Ba Vi	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	Phòng Kinh tế	Quản lý tài chính				x			Thạc sĩ	Bảng cử nhân kinh tế, ngành kế toán (chính quy), Thạc sĩ Kinh tế phát triển		-
22	Phạm Quốc Tín	01/02/1987			x							x				x	Công chức DCNNXD&MT xã Ba Tiêu	Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	Phòng Kinh tế	Nông nghiệp - Môi trường				x			Cử nhân	DH QLDD (hệ VHVL)		
23	Trần Ngọc Hòa	15/07/1975		x			Giám đốc TTDVNN					x						Chuyên viên	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 4,98	Phòng Văn hoá - Xã hội	ĐUV, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã				x			Cử nhân	Ky sư ene bien thực phẩm; Đại học Quản lý nhà nước		X

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																					Văn bằng, chứng chỉ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp										Hiện giữ											Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên						Viên chức	Cấp xã				VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng							Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	Ngạch được bổ nhiệm				Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									</

Ghi chú:
- Mục 9 ghi một trong các lĩnh vực sau: (1) Văn phòng; (2) Tư pháp; (3) Đối ngoại; (4) Tài chính; (5) Kế hoạch và Đầu tư; (6) Xây dựng; (7) Giao thông; (8) Công Thương; (9) Nông nghiệp; (10) Tài nguyên và Môi trường; (11) Nội vụ; (12) Dân tộc; (13) Lao động; (14) Giáo dục và Đào tạo; (15) Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (16) Khoa học và Công nghệ; (17) Truyền thông; (18) Y tế; (19) Trung tâm Phục vụ hành chính công; (20) Lĩnh vực Dân quân tự vệ.
- Mục 18 ghi theo chức danh của cán bộ công chức cấp xã

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ba Vi, ngày 22 tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN

A

	Ghi chú
hình trị	
Cao cấp	
32	33
X	
X	
-	
X	
-	
-	
-	
-	
-	
-	

	Ghi chú
hình trị	
Cao cấp	
32	33
.	Trước khi sắt nhập là cán bộ huyện tăng cường
.	
.	
.	
.	
.	
X	

	Ghi chú
hình trị	
Cao cấp	
32	33
-	
-	
-	
-	
-	

l7) Thông tin và

SVI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VÌ

Phụ lục 6B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Đơn vị	Tổng số người hiện có mặt	Nữ	Dân tộc khác	Chia theo độ tuổi						Chức vụ, chức danh công tác											Trình độ đào tạo					Trình độ LLCT			Tỷ lệ phù hợp với vị trí việc làm được bổ trí	Ghi chú		
					Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp											Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp				
											Cấp tỉnh		Cấp huyện		Viên chức	Cấp xã		Hiện giữ															
								Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Cán bộ	Công chức	Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương											Nhân viên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
Tổng số		33	7	25	5	17	8	3	0	2	0	0	5	2	0	7	22	0	2	30	1	0	0	0	4	29	1	0	5	20	4	6	
1	Lãnh đạo HĐND	1	1	1	0	0	1	0		0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0			1	100%		
2	Lãnh đạo các Ban HĐND	2	1	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0		2		70%	
3	Lãnh đạo UBND	3	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	2	1	0	0	0	0	1	3	0	0		1	2	100%	Kiểm GD Trung tâm phục vụ HCC
4	Công chức thuộc Ban HĐND (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
5	Văn phòng HĐND và UBND	7	1	6	4	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	6	0	0	7	0	0	0	0	7	0	0	1	5		50%		
6	Phòng Kinh tế	9	2	5	0	6	2	1	0	1	0	0	1	1	0	1	7	0	0	9	0	0	0	0	3	6	0	0	2	4		70%	
7	Phòng Văn hóa - Xã hội	6	2	5	1	3	1	1	0	1	0	0	1	1	0		4	0	0	6	0	0	0	0	6	0	0	2	3	1	60%		
8	Trung tâm Phục vụ HCC	4	0	4	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	0	4	0	0	0	0	4	0	0		4		50%		
9	Ban Chỉ huy quân sự	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0		1		100%		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ba Vì, ngày tháng 9 năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ